**CÔNG TY CỔ PHẦN TAXI GAS SÀI GÒN PETROLIMEX**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013**

**Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 7 năm 2013**

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Trang** |
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 2 - 3 |
|  |  |
| BÁO CÁO SOÁT XÉT | 4 |
|  |  |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ | 5 - 6 |
|  |  |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ | 7 |
|  |  |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ | 8 |
|  |  |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ | 9 - 21 |
|  |  |

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hội đồng quản trị** |  |
| Ông Vũ Hồng Khánh | Chủ tịch |
| Ông Ngô Quý Dũng | Thành viên |
| Ông Bùi Văn Thành | Thành viên |
| Ông Phạm Chí Dũng | Thành viên |
| Ông Nguyễn Xuân Thái | Thành viên |
| Ông Nguyễn Ngọc Minh | Thành viên |

|  |  |
| --- | --- |
| **Ban Giám đốc** |  |
| Ông Phạm Chí Dũng | Giám đốc |
| Ông Lê Đình Nam | Phó Giám đốc |

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á (AEA)

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

* Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
* Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
* Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
* Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
* Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

|  |
| --- |
|  |
| **Phạm Chí Dũng**  **Giám đốc**  *TP.Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2013* |
|  |

Số: 104 /2013/BCSX-AEA

**BÁO CÁO SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013**

**của Công ty Cổ phần Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex**

**Kính gửi:** **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

**Công ty Cổ phần Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 được lập ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Công ty Cổ phần Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 5 đến trang 21 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến soát xét về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc soát xét.

**Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên các thông tin tài chính; Công tác này cung cấp mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Hạn chế phạm vi kiểm toán**

Tại thời điểm 30/06/2013, chúng tôi chưa nhận được đối chiếu đầy đủ các khoản công nợ phải thu khách hàng. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục thay thế tuy nhiên các bằng chứng thu thập được chưa đủ cở sở để chúng tôi đưa ý kiến về tính hiện hữu của các khoản công nợ phải thu khách hàng.

**Ý kiến**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề hạn chế phạm vi kiểm toán nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nguyễn Hữu Đông** |  | **Nguyễn Văn Vụ** |
| **Tổng Giám đốc**  Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0140/KTV  *Thay mặt và đại diện cho*  **Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á**  *Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2013* | | **Kiểm toán viên**  Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0638/KTV |

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

****

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND



|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phạm Chí Dũng**  **Giám đốc** |  |  | **Nguyễn Thị Thủy**  **Kế toán trưởng** |

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2013*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANHGIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

MẪU B 02-DN

Đơn vị tính: VND



|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phạm Chí Dũng**  **Giám đốc** |  |  | **Nguyễn Thị Thủy**  **Kế toán trưởng** |

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2013*

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

**(Theo phương pháp trực tiếp)**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

MẪU B 03-DN

Đơn vị tính: VND



|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phạm Chí Dũng**  **Giám đốc** |  |  | **Nguyễn Thị Thủy**  **Kế toán trưởng** |

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 7 năm 2013*

1. **THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0303527483 đăng ký lần đầu ngày 06/09/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 14/03/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ là 92.418.010.000 đồng.

Trụ sở: Số 178/6 Điện Biên Phủ, phường 21, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội, mã chứng khoán: PGT

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng xe buýt, xe Taxi. Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng. Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô. Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế. Kinh doanh nhà. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Đại lý bán vé máy bay, tàu lửa, tàu thủy. Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông. Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa. Môi trường thương mại. Gia công cơ khí (không hoạt động tại trụ sở). Đào tạo dạy nghề. Cho thuê văn phòng. Dịch vụ đại lý tàu biển, cung ứng tàu biển. Cho thuê kho. Xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông. Khai thác cát, sỏi đá xây dựng, đá lót đường, khoáng sản. Mua bán gas, dầu nhớt các loại, hàng nông lâm thủy sản, nguyên liệu ngành xăng dầu – công nghiệp – nông nghiệp, lương thực thực phẩm, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, máy nổ - động cơ có máy nổ và phụ tùng linh kiện thay thế, ô tô. Bảo dưỡng và sửa chữa xe các loại. Thi công, cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. Môi giới thương mai.

1. **CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

1. **ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung trên phần mềm kế toán AFS

1. **CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

# Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Loại tài sản cố định** | **Số năm** |
|  |  |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 6 |
| Máy móc, thiết bị | 3 – 7 |
| Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn | 7 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 – 6 |

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

1. **Tiền**

****

1. **Đầu tư ngắn hạn khác**

****

1. **Các khoản phải thu**

****

****

****

1. **Hàng tồn kho**

****

1. **Chi phí trả trước ngắn hạn**

****

1. **Tài sản cố định hữu hình**

****

1. **Tài sản cố định vô hình**

****

1. **Chi phí trả trước dài hạn**

****

1. **Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

****

1. **Chi phí phải trả**

****

1. **Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

****

1. **Phải trả dài hạn khác**

Đây là số tiền các Lái xe Taxi đặt cọc theo quy định của các Hợp đồng xe.

1. **Vốn chủ sở hữu**

**a, Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

****

**c, Cổ phiếu**

****

1. **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

****

1. **Giá vốn hàng bán**

****

1. **Doanh thu hoạt động tài chính**

****

1. **Thu nhập khác**

****

1. **Chi phí khác**

****

1. **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

****

1. **Chi phí sản xuất theo yếu tố**

****

**2. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2013 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

**3. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt dộng từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phạm Chí Dũng**  **Giám đốc** |  |  | **Nguyễn Thị Thủy**  **Kế toán trưởng** |

*TP.HCM, ngày 31 tháng 7 năm 2013*